

Bản án số: 33/2025/DS - ST

Ngày: 24 - 9 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Bà Hoàng Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2024/TLST - DS ngày 25 tháng 11 năm 2024; về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐST - DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 237, phố 01, phường V, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; Địa chỉ: số 86 Lê Lợi, khối 11, phường V, thành phố L (nay là phường V), tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Đức Th – Luật sư Công ty luật TNHH Á Châu Việt; địa chỉ: số Căn hộ CT3.22.7 Chung cư Iris Gaden, số 30, Trần Hữu D, phường C, quận N (nay là phường T), thành phố Hà Nội.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số nhà 1001, đường Tr, phố 12, phường V, thành phố H (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình).

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Đức Th.

Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt;

Vắng mặt bà Nguyễn Thị H không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày: do có mối quan hệ quen biết nên từ 01/11/2017 đến

ngày 07/12/2018, bà đã nhiều lần cho bà Nguyễn Thị H vay tiền cụ thể như sau: ngày 01/11/2017 bà H vay 100.000.000 đồng; ngày 10/11/2017, bà H vay 100.000.000 đồng; ngày 20/11/2017, bà H vay 200.000.000 đồng; ngày 16/12/2017, bà H vay 100.000.000 đồng; ngày; ngày 25/12/2017, bà H vay 100.000.000 đồng; ngày 09/01/2018, bà H vay 200.000.000 đồng; ngày 10/01/2018, bà H vay 200.000.000 đồng; ngày 19/01/2018, bà H vay 100.000.000 đồng và ngày 07/12/2018, bà H vay 100.000.000 đồng. Trong chín lần mà bà H đã vay của bà với tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Toàn bộ việc bà H vay nợ bà đều được bà H viết nhận nợ và ký vào sổ theo dõi giao dịch vay nợ giữa bà và bà H.

Trong quá trình vay nợ đến khoảng tháng 7/2022, bà H thanh toán cho bà 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) khấu trừ vào số tiền vay nợ trên. Như vậy tổng số tiền đến nay bà H còn nợ chưa thanh toán cho bà (*tính đến tháng 07/2022*) là 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ, một trăm triệu đồng*).

Bà đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng đến nay bà H vẫn không thanh toán cho bà. Lý do bà H đưa ra để trì hoãn không trả tiền cho bà là do kinh tế khó khăn, không bán được tài sản vv....

Do bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nay bà làm đơn khởi kiện với nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bà Nguyễn Thị H:

- Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền gốc là **1.100.000.000 đồng** (*Một tỷ một trăm triệu đồng*);
- Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả khoản tiền lãi của số tiền gốc với mức lãi xuất theo quy định của pháp luật. Thời gian tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 01/07/2022 tính đến hết ngày 05/5/2025 là: 1.100.000.000 đồng x 10%/năm = **313.123.278 đồng** (*Ba trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi bảy đồng*).

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024 và trong bản khai ngày 05/5/2025 bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 01/07/2022 đến hết ngày 05/5/2025 với số tiền là 313.123.278 đồng. Tuy nhiên vào đầu tháng 7/2022 bà Nguyễn Thị H đã trả cho bà được số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Nên nay bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền gốc là **1.050.000.000 đồng** (*Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng*);
- Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả khoản tiền lãi của số tiền gốc với mức lãi xuất theo quy định của pháp luật. Thời gian tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 01/07/2022 tính đến hết ngày 21/8/2025 là: 1.050.000.000 đồng x 10%/năm = **329.958.904 đồng** (*Ba trăm hai mươi chín triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm linh bốn đồng*).

Về chi phí giám định: bà Trần Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: do bị đơn là bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ do vậy bà Trần Thị H có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán nợ

Vì vậy kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh đến hết ngày 24/9/2025 là 339.739.726 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc cho đến khi bà Nguyễn Thị H thanh toán hết số nợ gốc.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị H đã nộp.

Về chi phí giám định bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho bà Nguyễn Thị H nhưng bà Nguyễn Thị H không có văn bản trả lời, không có bản tự khai và cũng không đến Tòa án làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản giấy tờ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 88/KL - KTHS - TL ngày 26/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đã kết luận: Các chữ viết “Nguyễn Thị H” tại các dòng 4,8,12 trên các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với chữ ký dạng chữ viết, chữ viết của Nguyễn Thị H tại các mục được mô tả trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự của pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng)

- Bà Nguyễn Thị H phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc với mức lãi xuất là 10%/năm, thời gian chậm trả kể từ ngày 01/7/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tự chi trả chi phí giám định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị H số tiền 27.300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002418 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là Thi hành án dân sự, tỉnh Ninh Bình).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bà Trần Thị H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại số nhà 1001, đường Tr, phố 12, phường V, thành phố H (nay là phường H), tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ngày 08/9/2025 bà Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 24/9/2025 bà Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: theo các Giấy biên nhận ngày 01/11/2017; ngày 10/11/2017; ngày 20/11/2017; ngày 16/12/2017; ngày; ngày 25/12/2017; ngày 09/01/2018; ngày 10/01/2018; ngày 19/01/2018 và ngày 07/12/2018 bà Nguyễn Thị H có vay của bà Trần Thị H số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm triệu đồng), trong các giấy vay tiền không thể hiện ngày trả nợ và không thể hiện về lãi suất. Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy: các Giấy biên nhận nợ giữa bà H và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có chữ ký của bên vay, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn được quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình vay nợ bà Trần Thị H đã yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả các khoản nợ đã vay cho bà H và bà Nguyễn Thị H mới trả cho bà Trần Thị H được số tiền 150.000.000 đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 của Bộ luật dân sự, nay bà Trần Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả nợ là đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Trần Thị H số tiền đã vay là 1.050.000.000 đồng (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi suất: trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả lãi suất là 10%/năm của khoản tiền vay tính đến ngày 24/9/2025. Hội đồng xét xử xét thấy trong Giấy biên nhận giữa bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị H thể hiện khoản vay không kỳ hạn và không thỏa thuận về lãi suất, do đó đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, trong quá trình vay nợ bà H đã nhiều lần

yêu cầu bà H phải trả các khoản nợ cho bà H tuy nhiên bà H chỉ trả cho bà H số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 24/6/2022 không tiếp tục trả nợ cho bà H là bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bắt đầu từ ngày 01/7/2022 thì bà Trần Thị H mới bắt đầu tính lãi của số tiền gốc mà bà Nguyễn Thị H chưa thanh toán. Việc yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị H là phù hợp và thấp hơn mức lãi suất do Ngân hàng quy định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và thời gian tính lãi bắt đầu từ khi bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu tính lãi, mức lãi suất và thời gian tính lãi của bà Trần Thị H, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả khoản tiền lãi của số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng) cụ thể như sau: Thời gian tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 01/7/2022 tính đến hết ngày 24/9/2025 là $1.050.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 38 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 339.739.726 \text{ đồng}$ (ba trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng).

[6] Về chi phí giám định: bà Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của tổng số tiền là 1.389.739.723 đồng (một tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng) cụ thể = $36.000.000 \text{ đồng} + (589.739.723 \text{ đồng} \times 3\%) = 17.692.191 \text{ đồng}$, làm tròn 17.692.000 đồng.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.692.000 đồng (năm mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị H.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Trần Thị H tổng số tiền là 1.389.739.726 đồng (một tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), (trong đó số tiền gốc là 1.050.000.000

đồng (một tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày 24/9/2025 là 339.739.726 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 53.692.000 đồng (năm mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 27.300.000 đồng (hai mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002418 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là Thi hành án dân sự, tỉnh Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực I – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú